

BÁO CÁO

tổng kết Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025

I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU

1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện

1.1. Việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết

Ngay sau khi Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 (viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TU) được ban hành, cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp tổ chức nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt bằng nhiều hình thức như: Tổ chức hội nghị tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, lồng ghép trong các hội nghị của cấp ủy, hội nghị báo cáo viên, tuyên truyền qua cổng thông tin điện tử, báo, đài. Công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt Nghị quyết được chỉ đạo và thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, tạo được sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất trong hành động đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, các ban, sở, ngành, các huyện, thành, thị ủy đã tổ chức 35 lớp nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đồng thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động, đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU. Qua các đợt học tập, quán triệt Nghị quyết số 06-NQ/TU cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nắm vững những nội dung cơ bản về phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), tạo nhận thức chung, đồng thuận cao trong các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân, từng bước đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

1.2. Về xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã ban hành 5 kế hoạch, 4 nghị quyết và 20 quyết định thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU (phụ lục 1). Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban, sở, ngành đã ban hành chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU trên địa bàn tỉnh một cách toàn diện và đồng bộ. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1267/QĐ-

UBND, ngày 29/3/2017 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU để triển khai trên toàn tỉnh, cùng với nhiều đề án, chương trình thuộc các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội¹. Các huyện, thành, thị ủy ban hành 107 quyết định, 421 công văn và nhiều văn bản liên quan cụ thể hóa Nghị quyết.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết

Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, giải pháp mà Nghị quyết số 06-NQ/TU đề ra được triển khai theo đúng yêu cầu. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 179-KH/TU, ngày 14/02/2019 về việc kiểm tra, rà soát đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU tại một số đơn vị, địa phương; Kế hoạch số 39-KH/TU, ngày 18/5/2021 về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU; Báo cáo số 148-BC/TU, ngày 26/01/2022 sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU và Thông báo số 475-TB/TU, ngày 26/01/2022 kết luận về kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU; Kế hoạch số 231-KH/TU, ngày 21/3/2024 về tổng kết Nghị quyết số 06-NQ/TU. Thực hiện kế hoạch sơ kết và tổng kết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành khảo sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU tại một số địa phương, đơn vị².

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

2.1.1. Việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Hoạt động nghiên cứu KH&CN của tỉnh ưu tiên 6 lĩnh vực KH&CN trọng điểm là: Nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn, y dược, phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành, thị, công nghệ thông tin, môi trường với 146 đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp quốc gia; gần 850 đề tài cấp cơ sở triển khai tại các trường, các ngành và 1.475 mô hình ứng dụng KH&CN tại các huyện triển khai giai đoạn 2017 - 2023, trong đó tập trung tác động KH&CN theo chuỗi

¹ Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và quy hoạch phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sạch, an toàn, thành lập khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ngành thông tin và truyền thông ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng CNTT/hạ tầng số, xây dựng chính quyền điện tử/chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công nghiệp công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

² Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 11-KH/BTGTU, ngày 28/5/2021 về khảo sát tại các huyện Anh Sơn, Quế Phong, Diễn Châu, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Vinh; Kế hoạch số 93-KH/BTGTU, ngày 26/3/2024 về khảo sát tại các huyện Thanh Chương, Kỳ Sơn, Yên Thành, Quỳnh Châu.

giá trị các sản phẩm; giảm số lượng các đề tài, dự án, nâng cao chất lượng, tăng quy mô; sàng lọc và ưu tiên các dự án ứng dụng và có sản phẩm cụ thể. Hiệu quả ứng dụng của các đề tài, dự án đạt 86,19%, cao hơn bình quân cả nước (68%), trong đó, có một số lĩnh vực nổi bật như:

- Lĩnh vực khoa học nông nghiệp

Các nghiên cứu ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, tốc độ tăng trưởng của ngành giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4,7%, giai đoạn 2021 - 2023 đạt 4,73%. Toàn tỉnh có 317/411 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) chiếm 77% tổng số xã; 67/317 xã đạt chuẩn NTM nâng cao chiếm 21%; 10/317 xã kiểu mẫu chiếm 3%; có 9 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ, đạt chuẩn NTM. Toàn tỉnh có 567 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên (trong đó có khoảng 200 sản phẩm được giao dịch trên các sàn thương mại điện tử).

Ứng dụng thành công nhiều biện pháp kỹ thuật trong sản xuất và chế biến nông sản³. Tập trung nguồn lực để đầu tư đồng bộ theo chuỗi giá trị về KH&CN, tổ chức sản xuất, thị trường, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm và truy xuất nguồn gốc như: Trà hoa vàng, chanh leo, lúa japonica, cam, chè, trám đen, lạc, rau hữu cơ, nhiều mô hình kinh tế được phát triển có hiệu quả⁴. Hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn như: Vùng trồng cỏ, cây nguyên liệu cho thức ăn gia súc của Công ty CP thực phẩm sữa TH; vùng nguyên liệu mía. Ứng dụng các thành tựu nghiên cứu giống nhằm tuyển chọn, nhân nhanh và thâm canh các giống có năng suất cao, chất lượng tốt như: Lúa thuần, ngô, lạc, đậu, sắn, chè, mía, chanh leo, lúa thảo dược, lúa địa phương, lúa Japonica J02, lợn VCN 08, vịt bầu. Một số mô hình ứng dụng công nghệ sinh học đã thành công, đang lan tỏa trong và ngoài tỉnh.

³ Kỹ thuật tưới nhỏ giọt cho cây ăn quả và mía; thâm canh lúa nước sử dụng phân viên nén dúi sâu; giải pháp bón đạm hợp lý cho lúa; luân canh, xen canh bắt buộc đối với canh tác mía, sắn làm tăng giá trị trên 1 đơn vị diện tích và cải tạo đất; quy trình bón phân hợp lý cho cây chè trên nền tảng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng; xử lý tồn dư thuốc bảo vệ thực vật bằng chế phẩm sinh học Biogreen, quy trình sản xuất giống và trồng một số dược liệu; nhân giống mía 3 cấp; thiết bị lọc nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình; hoàn thiện quy trình sản xuất thử nghiệm các giống lan mokara cắt cành; nghiên cứu sâu bệnh hại cây chanh leo; nghiên cứu quy trình sản xuất giống và thâm canh gấc, cà chua trái vụ; chế biến và bảo quản quả trám đen Thanh Chương; nhân giống và trồng thâm canh cam bù sen Anh Sơn; áp dụng một số biện pháp kỹ thuật trong canh tác, phòng trừ sâu bệnh hại cây cam tại các huyện Con Cuông, Tân Kỳ; mô hình bảo vệ, khai thác và chế biến cây măng loi huyện Tân Kỳ, ...

⁴ Mô hình trồng, sản xuất mía nguyên liệu, thâm canh đạt năng suất cao từ 100 - 120 tấn/ha; mô hình trồng và chế biến dược liệu (Công ty CP dược liệu Pù Mát, Công ty CP dược liệu Mường Lống); hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao một số khâu như xác định giới tính giai đoạn phôi giống; chẩn đoán bệnh trong chăn nuôi (Công ty CP thực phẩm sữa TH, Vinamilk); mô hình trồng, khai thác và chế biến dược liệu; mô hình du lịch cộng đồng, du lịch canh nông, du lịch sinh thái, mô hình hợp tác xã kiểu mới, sinh kế và ứng dụng tri thức của đồng bào dân tộc. Mô hình trồng và chế biến một số sản phẩm dinh dưỡng từ mầm cây lúa mì.

Sử dụng tem truy xuất nguồn gốc điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu đối với sản phẩm nông sản, đặc biệt là sản phẩm đặc sản, sản phẩm có thương hiệu như chỉ dẫn địa lý⁵. Đến nay, việc dán tem điện tử truy xuất nguồn gốc được mở rộng trên 70 sản phẩm nông sản của tỉnh góp phần tăng thêm chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, nâng cao ý thức của nhà sản xuất về chất lượng của sản phẩm, đồng thời bảo vệ uy tín, phát triển thương hiệu nông sản Nghệ An. Các tiến bộ KH&CN ứng dụng trong lĩnh vực thủy sản đã góp phần đẩy mạnh nuôi trồng, nâng cao hiệu quả khai thác và chế biến thủy sản⁶.

Trên cơ sở điều tra đa dạng sinh học, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An đã đề xuất được danh mục các loài hiện có và các giải pháp bảo tồn, khai thác và phát triển⁷. Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao ngày càng được quan tâm⁸. Các công nghệ tiên tiến được áp dụng như công nghệ giống; công nghệ nhà kính hiện đại; công nghệ thông tin điều khiển tự động về tưới tiết kiệm nước, nhiệt độ, độ ẩm, dinh dưỡng, ánh sáng. Ngoài ra, quy trình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như kỹ thuật tưới, sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, chế phẩm sinh học, GlobalGAP, VietGAP, IPM, SRI cũng được áp dụng nhanh vào sản xuất. Tập trung phát triển sản phẩm đặc hữu, vùng miền. Đến nay đã có 235 sản phẩm là các cây con đặc sản, chủ lực, có lợi thế cạnh tranh được

⁵ Cam Vinh, nhãn hiệu gà Thanh Chương, mực khô Quỳnh Lưu, tôm nõn Diễn Châu, cá thu nướng Cửa Lò, nhãn hiệu chứng nhận nước mắm Vạn Phần, thương hiệu tập thể nước mắm Hải Giang, sản phẩm được liệu Pù Mát, rượu mù tền, tinh bột nghệ, bột sắn dây Nam Đàn, dê Tân Kỳ, giò bê Châu Hoàng, mì rau củ quả, nước mắm Cửa Lò, nước mắm Tân Hội, tương Sa Nam, gà Phú Diễn...

⁶ Mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng; nuôi tôm Semi-Biofloc; mô hình nuôi thủy sản nước ngọt "Sông trong ao", nuôi thâm canh cá rô phi đường nghiệp, rô phi lai xa Israel, cá chép VI, trắm giòn, chép giòn; mô hình nuôi cá trong lồng trên các thủy vực lớn; mô hình nuôi trồng táo xoắn, táo nano; mô hình chế biến một số mặt hàng thủy sản như chế biến sứa, tôm nõn, chả cá đã được nhân rộng; mô hình nhân giống và nuôi thương phẩm lươn đồng. Trong lĩnh vực khai thác tiếp tục duy trì, phát huy có hiệu quả mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế tàu cá vỏ gỗ, giúp cho công tác đóng mới và kiểm định tàu cá trên địa bàn nhanh chóng thuận lợi, hiệu quả; ứng dụng tiến bộ KH&CN để nâng cao hiệu quả nghề khai thác bằng lưới chụp 4 tầng gông. Bên cạnh đó, một số nguồn gene thủy sản nước ngọt đặc trưng, có giá trị cũng được chú trọng như nuôi ba ba gai sông Quảng, cá bống (có bọ), cá mát.

⁷ Trong những năm qua nguồn gen nhiều loại cây trồng, vật nuôi quý hiếm đã được bảo tồn, khai thác và phát triển như cây sâm Puxailaileng, cây mù tền, trà hoa vàng, đảng sâm, lan kim tuyến, cây bảy lá một hoa, ba kích tím, hà thủ ô đỏ.

⁸ Toàn tỉnh hiện có 35 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, có 25 doanh nghiệp nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, trong đó 5 doanh nghiệp được tỉnh công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Công ty TNHH Việt Úc Nghệ An, Công ty CP thực phẩm sữa TH, trang trại bò sữa Vinamilk Nghệ An, Công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi Mavin, Công ty mía đường Nghệ An NASU; 01 doanh nghiệp do Bộ NN&PTNT công nhận ứng dụng công nghệ cao Công ty Nafood group).

hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH&CN tạo ra các sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh trên thị trường gắn với thương hiệu Nghệ An, làm cơ sở cho việc triển khai thành công Đề án mỗi xã một sản phẩm OCOP⁹.

- Lĩnh vực khoa học y dược

Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, chuyên môn sâu để nâng cao năng lực khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân gắn với đào tạo nguồn nhân lực góp phần đưa thành phố Vinh trở thành Trung tâm y tế vùng Bắc Trung Bộ. Nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ cao trong điều trị bệnh ngày càng được ứng dụng hiệu quả¹⁰. Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán bất thường phôi thai, bệnh di truyền, bệnh ung thư; thụ tinh trong ống nghiệm. Ứng dụng thành công và làm chủ được một số kỹ thuật cao như: Mô tim hở, ghép thận; ghép tuỷ hỗ trợ điều trị một số bệnh lý ung thư, phẫu thuật u phổi, u trung thất, u thực quản, u gan lớn, đốt u phổi, u gan, u cơ trơn tử cung bằng sóng cao tần, định vị sinh khiết bằng robot, can thiệp điều trị tim bẩm sinh; điều trị bệnh thoái hóa khớp gối bằng huyết tương giàu tiểu cầu phối hợp với ghép tế bào gốc trung mô từ mô mỡ tự thân. Tiếp tục duy trì củng cố và phát triển, hoàn thiện các kỹ thuật cao trong ghép thận, mô tim, phẫu thuật thần kinh sọ não... Ứng dụng thành công công nghệ thông tin trong ngành y tế với việc xây dựng bệnh viện điện tử, bệnh án điện tử.

Ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển dược liệu ở miền Tây Nghệ An được triển khai phục vụ cho nghiên cứu sản xuất các sản phẩm nâng cao sức khỏe cộng đồng và phát triển ngành công nghiệp dược như: Nghiên cứu tách chiết thành công Chloropyll và điều chế dẫn xuất ChlorinE6 Trimethylester và Chlorin E6 Monomethylester từ tảo Spirulina; công nghệ tách chiết lá diếp cá, đông trùng hạ thảo, tỏi đen; mô hình trồng sâm Puxailaileng, cây hà thủ ô đỏ, đẳng sâm, ba kích tím, mú turen, đương quy Nhật Bản, quế quỳ, trà hoa vàng...

- Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ứng dụng trong khoa học quản lý

Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để hoạch định chủ trương, chính sách, đóng góp tích cực đổi mới cơ chế quản lý, các hình thức sở hữu, chuyên

⁹ Các sản phẩm như gạo Japonica Quế Phong, hương trầm Quỳnh Châu, gừng Kỳ Sơn, chè gay, cam bù sen Anh Sơn,...Đến năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 567 sản phẩm đạt hạng 3 sao trở lên (trong đó 37 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 529 sản phẩm đạt hạng 3 sao và 01 sản phẩm đạt hạng 5 sao).

¹⁰ Cắt trĩ bằng Milliganmocgan; cắt tử cung hoàn toàn; bóc u nang buồng trứng (bảo tồn buồng trứng); mổ sa sinh dục bằng Le- For; mổ giãn tĩnh mạch thừng tinh; mổ sỏi ống mật chủ - D1 kerh; cắt trĩ bằng Logo; vết thương ngực hở phức tạp (thùng phổi, rách cơ hoành, rách màng tim); tán sỏi niệu quản nội soi bằng Lase, tán sỏi bàng quang nội soi bằng Lase; cắt tử cung hoàn toàn qua nội soi; mổ chữa ngoài tử cung tràn máu ổ bụng qua nội soi; mổ dẫn lưu áp xe buồng trứng; tán sỏi qua da bằng đường hầm nhỏ; mổ cắt ruột thừa qua ngã âm đạo; mổ sỏi ống mật chủ nội soi...

dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, đánh giá hiện trạng, tiềm năng của tỉnh, mang đến một số nhận thức mới, cách tiếp cận mới trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đó là: Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách phát triển kinh tế trang trại; đánh giá tiềm năng; xác định sản phẩm chiến lược; chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An; giải pháp thu hút sử dụng hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; huy động nguồn lực người xứ Nghệ ở trong và ngoài nước đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Làm sáng tỏ một số vấn đề trong lịch sử, đồng thời đã tư liệu hóa, văn tự hóa những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể thuộc lĩnh vực văn hóa dân gian và văn hóa bác học, nghiên cứu lịch sử truyền thống của địa phương, ngành và đóng góp cho quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử trên địa bàn tỉnh như: Khôi phục các lễ hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa góp phần vào việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, bản sắc con người xứ Nghệ và giáo dục truyền thống cho các thế hệ¹¹. Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế có tác động tích cực vào đời sống như: Nghiên cứu chiến lược phát triển miền Tây Nghệ An, chương trình phát triển dược liệu, nghiên cứu mô hình du lịch cộng đồng, du lịch canh nông, du lịch sinh thái, mô hình hợp tác xã kiểu mới, nghiên cứu và ứng dụng tri thức địa phương của đồng bào dân tộc Thái, Thổ, Mông, Khơ Mú phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, ứng dụng trong phát triển du lịch cộng đồng, ẩm thực, sản xuất và bảo vệ môi trường.

Tập trung vào các lĩnh vực ngăn ngừa, phòng chống tội phạm về ma túy; công tác đảm bảo an ninh trật tự, nhất là địa bàn các tuyến biên giới; giải pháp ngăn ngừa tội phạm có hiệu quả, hạn chế tai nạn giao thông, ngăn ngừa di, dịch cư trái phép của đồng bào dân tộc; nâng cao chất lượng công tác tham mưu trong lực lượng công an và các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự vùng giáp ranh, ngăn chặn các loại tội phạm đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn, góp phần ổn định xã hội để thúc đẩy kinh tế phát triển. Công tác phản biện khoa học đối với các cơ chế chính sách, các chương trình, dự án phát triển kinh tế -

¹¹ Đi sâu nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc trên địa bàn tỉnh như: Văn hóa và ngôn ngữ người Ó Đu, Đan Lai; xây dựng tài liệu dạy học và phẩm mềm bộ gõ chữ Thái Lai - Tay, Lai - Pao; áp dụng các giải pháp bảo tồn dân ca xứ Nghệ vào thực tiễn; nghiên cứu các giải pháp bài trí thờ tự, sắp xếp đồ tế khí tại các di tích trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu những tác động của phong tục tập quán các đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An; nâng cao hiệu quả hoạt động của các lễ hội; lập hồ sơ khoa học trình và được công nhận di sản văn hóa phi vật thể nhân loại là dân ca Ví Giặm; lễ hội đền chín gian là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đưa địa phương học vào trong giáo dục trường học...

xã hội, các dự án đầu tư trọng điểm, có tầm ảnh hưởng lớn của tỉnh Nghệ An bước đầu được quan tâm.

- Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển chính quyền điện tử, xã hội số; kinh tế số ngày càng được áp dụng rộng rãi trong các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và toàn xã hội, góp phần thay đổi và tạo phong cách, phương thức làm việc mới, nâng cao hiệu quả hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành và sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin số hóa hồ sơ tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức; số hóa cơ sở dữ liệu hệ thống quản lý tại Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp; ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh X-Quang phổi.

Thông qua nguồn vốn của doanh nghiệp và quỹ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ đã hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ và đổi mới công nghệ, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất¹². Ứng dụng vật liệu mới và công nghệ tiên tiến trong công tác duy tu, sửa chữa mặt đường như vật liệu Cocboncor là loại vật liệu có nhiều ưu điểm về cường độ và độ bám dính; vật liệu thảm bê tông nhựa polymer; ứng dụng công nghệ neoweb (ổ đĩa kỹ thuật) trong thi công mở rộng nền đường đang khai thác; thí điểm áp dụng công nghệ cạo bóc tái chế trong nâng cấp cải tạo mặt đường.

Đến nay cơ bản đã kết thúc giai đoạn ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước (xây dựng chính quyền điện tử) để bước sang giai đoạn chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước (xây dựng chính quyền số). Hạ tầng số trong cơ quan nhà nước 100% cán bộ, công chức có máy tính sử dụng, kết nối internet cáp quang băng rộng và mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD). Đưa vào vận hành kho dữ liệu dùng chung

¹² Công ty CP Á Châu Hoa Sơn đầu tư dây chuyền sản xuất glucose công suất 30.000 tấn đường glucose lỏng/năm với tổng mức đầu tư khoảng 320 tỷ đồng, sản xuất đường glucose lỏng quy mô công nghiệp theo nhu cầu khách hàng về hàm lượng % đường glucose; Công ty CP mía đường Sông Lam đầu tư dây chuyền sản xuất chè (chè đen CTC, chè Orthodoc và chè xanh) với công suất 4.980 tấn sản phẩm/năm, tổng vốn đầu tư khoảng 117 tỷ đồng; công nghệ xử lý sinh học AO đối với Dự án hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Đông Hải; công nghệ “Lọc Siphon hờ OFS kết hợp tấm lọc A/W block” Dự án xây dựng nhà máy nước Nghĩa Đàn; Dự án nhà máy sản xuất bao bì nhựa PP, PE tại CCN Nam Giang; công nghệ xử lý và tái chế chất thải rắn Ecovi của Công ty CP Galax; công nghệ sản xuất gỗ ván sợi MDF của Công ty CP gỗ MDF; tổ hợp sản xuất công nghiệp công nghệ cao tại xã Nam Giang; khu công viên điện năng lượng mặt trời SUNPOWER của Công ty CP điện năng lượng mặt trời Sunpower; công nghệ xử lý rác WTE của Công ty TNHH Sa mạc Xanh; máy làm đất 3 chức năng (cày, bừa, xới) có khả năng sử dụng tại mọi địa hình đồng ruộng khác nhau.

(data.nghean.gov.vn) để kết nối dữ liệu các ban, sở, ngành, địa phương nhằm thu thập, phân tích, chia sẻ dữ liệu¹³.

2.1.2. Hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ và bảo tồn, phát triển quỹ gen

Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất đạt mức trung bình tiên tiến, trong đó trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ yếu của tỉnh đạt mức khá. Quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ KH&CN, đổi mới thiết bị, công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Giai đoạn 2017 - 2023 đã hỗ trợ cho 13 doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền 7,716 tỷ đồng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo ra các sản phẩm mới, bảo hộ sở hữu trí tuệ, xây dựng, quảng bá thương hiệu, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp.

Chỉ đạo, hướng dẫn thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, kết nối người dân với doanh nghiệp để doanh nghiệp đóng vai trò nòng cốt trong chuỗi giá trị sản xuất. Đến nay hệ thống doanh nghiệp KH&CN của tỉnh có 15 doanh nghiệp, có 5 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, 01 doanh nghiệp do Bộ NN&PTNT công nhận ứng dụng công nghệ cao. Từng bước hoàn thiện, đổi mới công nghệ, thiết bị phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa trên thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp¹⁴.

Hoạt động sở hữu trí tuệ góp phần nâng cao ý thức của nhà sản xuất về chất lượng của sản phẩm, đồng thời bảo vệ uy tín, phát triển thương hiệu

¹³ Ứng dụng CNTT/chuyển đổi số phục vụ quản lý, quản trị, điều hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, tổ chức sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực. Thương mại điện tử đã có những bước phát triển vượt bậc, được cung cấp dưới nhiều hình thức khác nhau: Sàn giao dịch thương mại điện tử của các tổ chức lớn như lazada, shopee, tiki, sendo, postmart; sàn giao dịch điện tử trong tỉnh như: 37nghean.com. Thương mại điện tử qua các nền tảng số khác như bán hàng qua Facebook, TikTok, Youtube, Zalo,... hiện có trên 24 doanh nghiệp, đơn vị cung ứng dịch vụ chuyển phát hàng hóa tham gia thị trường, hơn 300 sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu, sản phẩm OCOP đã lên sàn giao dịch TMĐT Nghệ An.

¹⁴ Đã tách chiết được Chloropyll và điều chế dẫn xuất ChlorinE6 Trimethylster và Chlorin E6 Monomethylster từ tảo Spirulina là nguyên liệu chính trong sản xuất thuốc hỗ trợ điều trị ung thư, góp phần phát triển nghề nuôi tảo, tăng thu nhập cho người lao động vùng bãi ngang. Máy làm đất 3 chức năng (cày, bừa, xới) có khả năng sử dụng tại mọi địa hình đồng ruộng khác nhau; sử dụng hệ thống truyền động ba bánh thay vì bốn bánh như các dòng máy trên thị trường nhưng lại có cùng công suất và cùng chức năng, khung gầm thiết bị nhẹ bằng 1/3 sản phẩm trên thị trường nên giảm tiêu hao nhiên liệu chỉ bằng 1/3 so với các máy có cùng công suất, có giá thành rẻ hơn 1/2 - 1/3 các sản phẩm máy làm đất với cùng công suất có trên thị trường.

nông sản tỉnh Nghệ An. Tập trung nguồn lực để đầu tư đồng bộ theo chuỗi giá trị về KH&CN, tổ chức sản xuất, thị trường và thương hiệu. Chú trọng lựa chọn các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế vùng miền để xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm và truy xuất nguồn gốc. Số đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và số văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tăng nhanh¹⁵. Bảo tồn, khai thác và phát triển các nguồn gen quý hiếm được quan tâm¹⁶. Nguồn gen nhiều loại dược liệu quý hiếm được bảo tồn, khai thác và phát triển thông qua kết quả của điều tra đa dạng sinh học vùng Puxailaileng; vườn quốc gia Pù Mát; khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây như: Sâm Puxailaileng, cây mú tùm, trà hoa vàng, cây bombo, đảng sâm, mướp đắng rừng, lan kim tuyến, cà gai leo, giảo cổ lam, cây bảy lá một hoa, ba kích tím, hà thủ ô đỏ... làm nền tảng để triển khai chương trình phát triển dược liệu và công nghiệp dược.

2.1.3. Công tác truyền thông KH&CN và phát triển thị trường KH&CN

Công tác truyền thông KH&CN được đầu tư đồng bộ trên tất cả các kênh báo in, báo hình, báo điện tử, có nhiều đổi mới về hình thức và phương pháp để cung cấp thông tin kịp thời, có chất lượng; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục khoa giáo thông qua các kênh truyền thông chính. Năm 2018 đến nay triển khai chuyên mục khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các chuyên đề truyền hình giới thiệu công nghệ, các mô hình có hiệu quả trên các kênh truyền hình VTV2, VTC14. Qua báo điện tử, trang thông tin điện tử phản ánh là các hoạt động KH&CN, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn trong tỉnh, trong nước và thế giới. Kết nối cung cầu, không gian khởi nghiệp, các hội thảo, trình diễn công nghệ. Các hoạt động này nhằm ghi nhận, tôn vinh và giới thiệu, quảng bá những kết quả, thành tựu KH&CN, những tấm gương lao động sáng tạo, doanh nhân khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển

¹⁵ Đến hết năm 2023, tỉnh Nghệ An có 1.933 đối tượng được bảo hộ, trong đó có 1.806 nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý (gừng Kỳ Sơn và cam Vinh), 87 kiểu dáng, 28 giải pháp hữu ích và 12 sáng chế. Thực hiện tạo dựng thương hiệu cho sản phẩm nông sản Nghệ An, tất cả các văn bằng được bảo hộ chủ yếu thuộc đối tượng sản phẩm nông nghiệp và được cấp cho các hội, hợp tác xã nông nghiệp: 09 nhãn hiệu chứng nhận 32 nhãn hiệu tập thể. Thiết lập trạm khai thác thông tin dịch vụ SHCN - Trạm IPPlatform phục vụ quản lý việc đăng ký SHTT của tỉnh tại địa chỉ: <http://dashboard.ipplatform.gov.vn:9999/>

¹⁶ Đã bảo tồn được 30 nguồn gen (cấp quốc gia: 6 nguồn gen, gồm 5 nguồn gen động vật (gà trĩ lông cổ, ngựa Mường Lống, ngỗng cỏ, gà tây Kỳ Sơn; lợn đen Sao Va và 1 nguồn gen cây dược liệu (cây mú tùm). Xác định thêm 8 nguồn gen để đề nghị đưa vào danh sách bảo tồn, gồm 4 nguồn gen động vật (cá chiên, cá ba gai sông Quảng, hải sâm đen, gà tây Kỳ Sơn), 3 nguồn gen cây dược liệu (cây chè dây, cây huyết đằng, cây bách bộ) và 1 nguồn gen cây ăn quả là hồng Nghi Ân.

kinh tế - xã hội của tỉnh. Củng cố, phát triển cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN phục vụ tra cứu, nghiên cứu.

Phát triển thị trường KH&CN tập trung vào 3 nội dung chính: Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về thị trường KH&CN; thúc đẩy hoạt động dịch vụ thị trường KH&CN; thúc đẩy nhu cầu công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp chuyên giao công nghệ. Hoạt động hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm KH&CN và các hoạt động xúc tiến thị trường, mua bán công nghệ chủ yếu triển khai thông qua các tổ chức trung gian của thị trường công nghệ như điểm kết nối cung cầu, sàn giao dịch công nghệ và thiết bị. Thành lập câu lạc bộ sáng chế và tổ chức doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm về KH&CN trong nước và quốc tế; tham gia hội chợ công nghệ, thiết bị, nhiều hàng hóa được giới thiệu và chào bán, ký kết ghi nhớ chuyển giao công nghệ và giao dịch đặt hàng, mua - bán sản phẩm được thực hiện hàng chục tỷ đồng¹⁷. Chỉ đạo tổ chức thành công giải sáng tạo KH&CN năm 2017, 2020 và 2023 với nhiều công trình có chất lượng và đạt giải cao¹⁸. Nhiều dự án khởi nghiệp đã được tài trợ của các quỹ đầu tư trong và ngoài nước với số tiền hàng trăm triệu đồng.

Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tỉnh được hình thành và phát triển khá vững chắc, có đầy đủ các nhân tố cấu thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phong trào khởi nghiệp sáng tạo phát triển cả chiều rộng và chiều sâu¹⁹. Hoạt động sàn giao dịch công nghệ thiết bị là điểm kết nối cung cầu phát

¹⁷ Sáng chế tạo đặc ruột tre (Công ty TNHH một thành viên Việt Bamboona) đối tác đã ký kết hợp đồng ghi nhớ chuyển giao công nghệ giá trị 10 tỷ đồng; sáng chế vận thăng an toàn (Công ty TNHH cơ khí và tự động Nhân Phát) có 6 khách đặt hàng khảo sát và thi công trị giá dự toán 600 triệu; sáng chế không chuyên máy doa lỗ di động (doanh nghiệp tư nhân cơ khí Nhân Độ) có 2 khách hàng đặt hàng trị giá 200 triệu/máy. Dây chuyền máy ép gạch tự động (Công ty TNHH Hồ Hoàn Cầu) có 2 khách hàng đặt hàng trị giá 100 triệu/máy. Sản phẩm nước điện giải (Công ty cổ phần JWS TECNICA Việt Nam) có 3 khách nhận làm phân phối sản phẩm trị giá 2 tỷ đồng.

¹⁸ Giải thưởng sáng tạo KH&CN thanh niên, sinh viên; cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh năm 2018, 2023 đã huy động được sự tham gia hưởng ứng của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các cấp chính quyền.

¹⁹ Thành phố Vinh đang được xây dựng trở thành trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của vùng Bắc Trung Bộ, đồng thời các huyện bắt đầu khởi động các câu lạc bộ đổi mới sáng tạo, tác động lan tỏa trong hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Có các Startup kêu gọi được vốn từ quỹ trong và ngoài nước (Công ty Gostream thu hút 1 triệu USD từ quỹ VinaCapital, Công ty Chanh Thiên Nhân với 2 triệu USD từ Tập đoàn Sao Thái Dương, Dự án muối NANOSALT gọi vốn 5 tỷ đồng từ Vườn ươm khởi nghiệp Sông Lam và quỹ Vina Capital). Năm 2022, tỉnh Nghệ An vinh dự là một trong 3 địa phương có thành tích xuất sắc trên toàn quốc được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng danh hiệu "Địa phương tiêu biểu xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp năm 2022". Hình thành một số tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp như: Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo trực thuộc Trường Đại học Vinh, Công ty CP đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp Nghệ An, Vườn ươm khởi nghiệp Sông Lam, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và nghiên cứu KHCN tại trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc, câu lạc bộ khởi nghiệp tại Trường Cao đẳng nghề Việt Đức, câu lạc bộ khởi nghiệp tại các huyện, thành, thị và 4 câu lạc bộ khởi nghiệp tại các viện/trường đại học. Hình thành 2 quỹ đầu tư khởi nghiệp "thuần Việt" (quỹ VSV-NA quy mô vốn là 7,2 tỷ đồng; quỹ Thiên Minh Đức quy mô vốn là 1 triệu USD).

huy hiệu quả tốt, cung cấp thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu và chuyên giao công nghệ và nhu cầu kết nối công nghệ - thiết bị, sản phẩm mới. Hỗ trợ kết nối cung cầu công nghệ giữa các doanh nghiệp với nhà khoa học, thông qua kết nối đã ký kết các hợp đồng chuyên giao công nghệ và cung ứng thiết bị cho doanh nghiệp Nghệ An.

Điểm kết nối cung cầu công nghệ vùng Bắc Trung Bộ tại Nghệ An được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Từ tháng 7/2017 đến nay đã tổ chức được 72 phiên kết nối cung cầu giữa các nhà khoa học trong nước với các doanh nghiệp, địa phương và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu thông tin và đổi mới công nghệ của tỉnh. Thông qua các hoạt động kết nối đã ký kết được 42 hợp đồng chuyên giao công nghệ và cung ứng thiết bị cho doanh nghiệp Nghệ An.

Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển thương hiệu cam Vinh và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, đồng loạt các giải pháp phát triển chỉ dẫn địa lý cam Vinh, như cấp, dán tem truy xuất nguồn gốc, tổ chức Tuần lễ cam và các đặc sản Nghệ An tại Hà Nội từ ngày 17 - 21/12/2019 nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân về việc sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn, có chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ. Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, mở rộng thị trường và khẳng định thương hiệu cam Vinh trên thị trường trong nước và quốc tế. Đến nay, sản phẩm cam Vinh đã có mặt ở nhiều siêu thị lớn như Lotte, BigC, Saigon Corp.

2.1.4. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN

Cơ chế, chính sách và đề án được ban hành, triển khai thực hiện hiệu quả, khả thi và toàn diện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học - tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa - phát triển tài sản trí tuệ - khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - phát triển thị trường KH&CN - chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới, ứng dụng KH&CN - chính sách hỗ trợ ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp doanh nghiệp dựa trên nền đổi mới sáng tạo công nghệ. Cùng với đó, một số kết quả nghiên cứu, ứng dụng được tỉnh đưa vào chính sách hỗ trợ nông nghiệp mang lại hiệu quả cao như: Sản xuất chế phẩm Compost Marker, chế phẩm BOEM trong sản xuất phân bón; sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi; chế phẩm Biogreen xử lý tồn dư hóa chất trên đất trồng rau, thiết bị lọc nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình.

Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN mang tính ứng dụng, tính thực tiễn và khả năng nhân rộng có tính thương mại hóa cao; nhất là các dự án gắn với

các doanh nghiệp sẵn sàng có chiến lược kinh doanh chế biến ngay trên địa bàn và liên kết với nông dân. Ưu tiên các đề tài, dự án có gắn kết với doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng kết quả phát triển thành sản phẩm hàng hóa, 100% nhiệm vụ KH&CN ở dạng dự án bắt buộc phải có doanh nghiệp tham gia. Các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển các sản phẩm theo chuỗi từ khâu giống, quy trình thâm canh (nuôi trồng), thu hoạch sản phẩm, chế biến sau thu hoạch, xây dựng nhãn hiệu và phát triển thị trường sản phẩm. Tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc sản thương mại hóa ở các địa phương. Thực hiện chương trình 100 sản phẩm hàng hóa có tác động của KH&CN trên địa bàn tỉnh gắn với thương hiệu Nghệ An.

Kết nối các trường đại học để có sự phối hợp, kết nối với các nhà khoa học trong nghiên cứu ứng dụng. Làm cầu nối giữa các doanh nghiệp với các viện, trường đại học để tạo điều kiện các nhà khoa học hỗ trợ doanh nghiệp trong ứng dụng đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới thông qua sản xuất thử nghiệm, phân tích. Kết nối với các viện nghiên cứu Trung ương để huy động đội ngũ chuyên gia để nghiên cứu một số lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, công nghệ...

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý của nhà nước đối với tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, góp phần thiết lập kỷ cương, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng và các nhà sản xuất. Chất lượng hàng hóa sản xuất nội tỉnh đang từng bước được nâng lên, một số mặt hàng chủ lực của tỉnh đã khẳng định được thương hiệu nên người tiêu dùng tin tưởng. Nhiều sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế, bảo hộ về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, có sức cạnh tranh trên thị trường. Nhiều sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh đã được triển khai áp dụng việc dán tem truy xuất nguồn gốc nhất là những sản phẩm đạt chứng nhận OCOP. Số lượng doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia ngày càng khẳng định thương hiệu và chất lượng sản phẩm, giai đoạn 2016 - 2023 có 13 doanh nghiệp đại giải thưởng chất lượng quốc gia.

Công tác quản lý nhà nước về đo lường được tăng cường, đẩy mạnh, đảm bảo đo lường thống nhất, chính xác trong an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe, môi trường, tại các nơi có giao nhận lớn như các kho xăng dầu, Cục dự trữ quốc gia, các nhà máy xi măng, mía đường và tại cảng Cửa Lò, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp²⁰.

²⁰ Triển khai thành công biện pháp quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong việc niêm phong 800 đồng hồ tổng trên các phương tiện đo xăng dầu trong kinh doanh xăng dầu, giải pháp chống thất thu ngân sách, mang lại hiệu quả đóng thuế trên 240 tỷ đồng hằng năm, được Bộ Tài chính triển khai trên toàn quốc. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên 50.000 sản phẩm, phương tiện đo lường các

Công tác thanh tra, kiểm tra có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay, công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN được đẩy mạnh theo hướng chủ động phát hiện, bám sát và kịp thời xử lý vi phạm; sáng tạo nhiều phương thức mới, cách làm hay, đạt được nhiều kết quả, được các ngành, các cấp ghi nhận và người dân đồng tình ủng hộ²¹.

Công tác quản lý công nghệ ngày càng được tăng cường và đẩy mạnh, tổ chức và tham gia thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ, góp ý và tư vấn về công nghệ, kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực môi trường, giao thông vận tải, y tế, sản xuất công nghiệp, quy hoạch đô thị, góp phần ngăn chặn công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm môi trường thâm nhập vào địa phương²².

2.2. Kết quả triển khai một số giải pháp chủ yếu

Đổi mới trong việc triển khai hoạt động KH&CN ở các ngành, địa phương thông qua tổ chức làm việc để xây dựng định hướng và kế hoạch phát triển KH&CN một cách đồng bộ. KH&CN cấp huyện chuyển dịch theo hướng nâng cao tính ứng dụng, chú trọng xây dựng mô hình cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản và phục vụ trực tiếp cho mục tiêu phát triển

loại/năm. Đến nay hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực TCĐLCL đã mở rộng sang lĩnh vực an toàn và được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động tại Quyết định số 383/QĐ-LĐTBXH, ngày 30/03/2021 trong lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; kiểm định an toàn lao động trong lĩnh vực xây dựng được Bộ Xây dựng chứng nhận đủ điều kiện hoạt động tại Quyết định số 165/QĐ-BXD, ngày 12/03/2024.

²¹ Qua thanh tra hơn 500 cơ sở, đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính đối với 62 tổ chức, cá nhân vi phạm, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính hơn 1,7 tỷ đồng; buộc tiêu hủy, thu hồi tái chế nhiều lô hàng hóa là xăng dầu, nước uống đóng chai, phân bón...vi phạm về chất lượng, tước quyền sử dụng nhiều giấy chứng nhận không đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu... Điền hình thanh tra đột xuất 8 cơ sở kinh doanh xăng dầu phát hiện 7 cơ sở vi phạm về chất lượng xăng, phối hợp Phòng PC46 Công an tỉnh và Cục A71 Bộ Công an phá thành công chuyên án bí số 917XD, làm rõ 2 triệu lít xăng "bẩn" trà trộn vào thị trường.

²² Giai đoạn 2017 - 2023 đã thẩm định 164 công nghệ dự án đầu tư theo yêu cầu của tỉnh hoặc các sở, ngành có liên quan. Nhìn chung các công nghệ dự án đầu tư đều đảm bảo theo quy định của nhà nước, được phép chuyển giao, chỉ có 05 dự án không làm rõ được về công nghệ nên từ chối đầu tư. Trên địa bàn tỉnh hiện có 95 cơ sở có sử dụng thiết bị X - quang y tế; 14 cơ sở có sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công nghiệp, y tế; 01 cơ sở đang lưu giữ nguồn phóng xạ. Công tác quản lý an toàn bức xạ của các cơ sở y tế tại địa phương đã đi vào nề nếp, các cơ sở đã chủ động trong việc khai báo; cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn bức xạ được đào tạo, đào tạo lại về an toàn bức xạ, được khám sức khỏe định kỳ, được trang bị liều kế cá nhân và đọc liều xạ theo quy định. Hầu hết các thiết bị X - quang được kiểm tra chất lượng, phòng đặt thiết bị X - quang được kiểm xạ định kỳ đúng quy định. Đối với các cơ sở đang sử dụng, lưu giữ nguồn phóng xạ, các cơ sở chấp hành tốt các quy định về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ. Công tác ngăn ngừa sự cố chủ động và trong thời gian qua không xảy ra sự cố về an toàn bức xạ hạt nhân.

kinh tế - xã hội địa phương. Kết nối các trường đại học để có sự phối hợp với các nhà khoa học trong nghiên cứu ứng dụng. Từ đó đã thay đổi tư duy, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu, coi phát triển KH&CN là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; đưa nhiệm vụ phát triển, ứng dụng chuyển giao KH&CN vào kế hoạch hằng năm. Phong trào nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, đổi mới sáng tạo đã được phát triển rộng khắp trong toàn xã hội và tỉnh Nghệ An được đánh giá là một trong bốn tỉnh mạnh về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tăng cường đầu tư cho KH&CN: Giai đoạn 2016 - 2023, ngân sách đầu tư cho hoạt động KH&CN gồm: Nguồn sự nghiệp khoa học là 373,146 tỷ đồng; đầu tư phát triển KH&CN là 118,321 tỷ đồng. Ngân sách sự nghiệp khoa học tăng hằng năm dưới 10% cơ bản đảm bảo chỉ tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TU đề ra. Tuy nhiên, tỷ lệ % chi KH&CN so với tổng chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2023 chỉ bằng 0,3% chưa đạt 2% chi ngân sách của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đối với nguồn vốn từ cơ sở đầu tư thực hiện các đề tài, dự án từ ngân sách nhà nước chiếm gần 60%, còn lại là nguồn huy động chiếm trên 40% tổng kinh phí thực hiện đề tài, dự án và các hoạt động khác có tính chất hoạt động KH&CN. Một số doanh nghiệp đã thành lập quỹ phát triển KH&CN như Tập đoàn TH, Tổng Công ty vật tư nông nghiệp, Tập đoàn Nafood, các doanh nghiệp KH&CN.

Thiết bị, máy móc và năng lực kiểm tra, thử nghiệm của các phòng thí nghiệm ngày càng được nâng lên, cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được đầu tư phục vụ quản lý nhà nước và nghiên cứu. Một số đơn vị có các phòng thí nghiệm với thiết bị máy móc hiện đại như của Đại học Vinh, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ. Các doanh nghiệp, bệnh viện, trường đại học, các trung tâm kiểm định đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng về dây chuyền công nghệ, phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn Vilas, Las²³.

²³ Công ty CP Á Châu Hoa Sơn đầu tư dây chuyền sản xuất glucose công suất 30.000 tấn đường glucose lỏng/năm với tổng mức đầu tư khoảng 320 tỷ đồng; Công ty CP mía đường Sông Lam đầu tư dây chuyền sản xuất chè (chè đen CTC, chè Orthodoc và chè xanh) với công suất 4.980 tấn sản phẩm/năm, tổng vốn đầu tư khoảng 117 tỷ đồng; Trường Đại học Vinh đã tiếp nhận, chuyển giao các trang thiết bị mới cho 02 phòng thí nghiệm được đầu tư đồng bộ và hiện đại nhất trong các trường đại học trên cả nước phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học gồm: Phòng thí nghiệm công nghệ thực phẩm (năm 2017, vốn đầu tư 48 tỷ đồng); phòng thí nghiệm công nghệ hóa dược (năm 2018, vốn đầu tư 40 tỷ đồng); Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa tỉnh đầu tư trên 2500 tỷ đồng; Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh đầu tư trên 100 tỷ đồng...

Cơ chế chính sách phát triển KH&CN ngày càng được quan tâm. Rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách về KH&CN một cách đồng bộ, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Các cơ chế, chính sách nghiên cứu khoa học, hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh hỗ trợ ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp doanh nghiệp dựa trên nền đổi mới sáng tạo công nghệ...được ban hành và triển khai có hiệu quả. Từng bước nâng cao chất lượng tổ chức và nguồn nhân lực KH&CN.

Việc phát triển các tổ chức và đội ngũ cán bộ KH&CN đủ mạnh đáp ứng yêu cầu của phát triển, toàn tỉnh có 16 tổ chức KH&CN công lập và 44 tổ chức KH&CN ngoài công lập; trong đó có 6 đơn vị của các bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn phạm vi hoạt động mang tính vùng²⁴. Các tổ chức KH&CN hoạt động tích cực và hiệu quả trong nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao, dịch vụ KH&CN và đổi mới sáng tạo; đóng góp tích cực vào hoạt động KH&CN toàn tỉnh và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, nguồn nhân lực KH&CN ngày càng phát triển²⁵.

Hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN được quan tâm với nhiều hình thức khác nhau, như: Mời các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành của các viện, trường tham gia hội đồng tuyển chọn cũng như hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; ký hợp tác nghiên cứu với Viện Hàn lâm khoa học xã hội và nhân văn, Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam; đặc biệt đã có nhiều hợp tác nghiên cứu với các tổ chức nghiên cứu trong nước khi triển khai thực hiện một nhiệm vụ KH&CN thông qua cơ chế chuyên gia.

²⁴ Viện Khoa học - Kỹ thuật nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ, Trung tâm Khí tượng - Thủy văn Bắc Trung Bộ, Phân Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản Bắc Trung Bộ, Chi cục thú y vùng IV, Trung tâm bảo vệ thực vật vùng, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh. 4 đơn vị của tỉnh có liên kết hoạt động trong vùng (Trung tâm kiểm nghiệm mỹ phẩm - dược phẩm Nghệ An, Trung tâm kiểm định xây dựng, Viện Quy hoạch và kiến trúc, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), có 6 trường đại học, 14 trường cao đẳng, trung cấp.

²⁵ Tính đến hết năm 2023, nguồn nhân lực KH&CN tỉnh có 4.921 người trên tổng số dân số hơn 3,4 triệu người, chiếm 0.14% dân số toàn tỉnh. Nguồn nhân lực KH&CN trong các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là 1.350 người, chiếm 27.43%; nguồn nhân lực KH&CN trong các tổ chức dịch vụ KH&CN có 129 người, chiếm 2.62% tổng số nhân lực KH&CN; nguồn nhân lực KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có 3.442 người, chiếm 69.95%. Về chất lượng: Trình độ chuyên môn khối cơ quan nhà nước trong tổng số 4.921 người, có 511 tiến sĩ, 2.555 thạc sĩ, có 02 phó giáo sư và 62 phó giáo sư (số liệu đến 31/12/2023). Khối doanh nghiệp chủ yếu là trình độ từ đại học trở xuống. Về phân bố nguồn nhân lực hoạt động chủ yếu trong các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, dịch vụ - du lịch, y tế, giáo dục đào tạo và hoạt động phục vụ cộng đồng. Nguồn nhân lực KH&CN tỉnh được xem là nguồn nhân lực trẻ, có tuổi dưới 40 tuổi, chiếm tỷ trọng lớn (41.74%), từ 36 - 55 tuổi chiếm tỷ trọng 37.07%.

3. Đánh giá chung

Các mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết số 06-NQ/TU đều đạt hoặc vượt, điển hình như: Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế vượt 20%; số đối tượng đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp vượt 93%; nguồn kinh phí xã hội hóa cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN ngoài ngân sách nhà nước vượt 15%. Các chương trình, nhiệm vụ, đề án xây dựng tiếp tục thực hiện và xây dựng mới, cùng với các cơ chế chính sách ban hành trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU cơ bản hoàn thành.

Đã có bước chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và doanh nghiệp cũng như người dân về vai trò của KH&CN trong sự nghiệp phát triển bền vững của tỉnh, khẳng định KH&CN là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Xem nghiên cứu và ứng dụng KH&CN là nhiệm vụ trọng tâm, thương xuyên của cả hệ thống chính trị, là yếu tố góp phần quan trọng trong nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hóa. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đóng góp của KH&CN được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực và có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

Hoạt động đổi mới công nghệ tiếp tục được quan tâm, gắn với chương trình nâng suất chất lượng, phát triển tài sản trí tuệ đã hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ KH&CN, đổi mới thiết bị công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp một số mặt hàng đã được khẳng định thương hiệu nên người tiêu dùng tin tưởng. Nhiều sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế, bảo hộ về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp có sức cạnh tranh trên thị trường.

Tiềm lực KH&CN được nâng lên đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Số lượng doanh nghiệp KH&CN tăng lên. Đội ngũ cán bộ hoạt động KH&CN tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Đã đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho KH&CN, ngoài nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN thì nguồn khác như nguồn sự nghiệp kinh tế; doanh nghiệp; tổ chức và cá nhân cũng đầu tư cho KH&CN. Phát triển KH&CN đã gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

4. Một số tồn tại, hạn chế

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương về các hoạt động KH&CN còn hạn chế. Tổ chức bộ máy,

số người làm việc và cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp KH&CN hoạt động gặp nhiều khó khăn. Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN đã được nâng lên nhưng chỉ đạt khoảng 0,28% chi ngân sách tỉnh, thấp hơn nhiều so với quy định (2%) nên đầu tư tiềm lực cho KH&CN còn chậm và thiếu đồng bộ. Cơ chế thống nhất điều phối các nguồn kinh phí thực hiện nghiên cứu ứng dụng và hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu gặp khó khăn. Huy động nguồn lực thực hiện Đề án Nghệ An thành trung tâm KH&CN vùng Bắc Trung Bộ đang gặp khó khăn. Mạng lưới tổ chức KH&CN chưa mạnh. Huy động nguồn lực xã hội vào công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN còn thấp. Thiếu các cán bộ giỏi về quản lý kinh tế, sâu về chuyên môn, am hiểu về công nghệ cao như công nghệ dược, công nghệ chế biến, công nghệ sinh học, thiếu kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật lành nghề; thiếu các chuyên gia và nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực KH& CN, đổi mới sáng tạo.

- Đóng góp và tác động của KH&CN đến sự phát triển kinh tế - xã hội chưa cao. Hoạt động ứng dụng và phát triển KH&CN chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh. Chưa có nhiều các nhiệm vụ mang tính liên ngành, liên vùng, sản xuất các sản phẩm theo chuỗi giá trị; mô hình ứng dụng công nghệ cao. Tỉnh Nghệ An có tiềm năng rất lớn về các cây con đặc sản, các sản phẩm mang địa danh, các làng nghề phát triển nhưng số lượng bảo hộ về chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận chưa tương xứng với tiềm năng. Hoạt động nghiên cứu triển khai trong các viện, trường và doanh nghiệp chưa thực sự được đẩy mạnh, chưa có sự gắn kết và đặt hàng giữa doanh nghiệp với các cơ quan nghiên cứu. Việc chuyển giao và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu chưa nhiều.

- Việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp còn yếu (hơn 98% tổng số doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ). Tốc độ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp còn chậm. Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp chủ yếu là trung bình tiên tiến dẫn đến chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước chưa cao. Khu công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, công viên công nghệ thông tin chưa được hình thành. Tổ chức triển khai chưa tạo được đột phá lớn về ứng dụng công nghệ; còn thiếu những định hướng hoạt động có tầm nhìn dài hạn mang tính trọng tâm, trọng điểm của tỉnh cũng như trong từng ngành, lĩnh vực. Chưa ban hành được các chính sách đặc thù và đủ mạnh để thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

5. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác kết nối, phối hợp giữa các ban, sở, ngành và cấp huyện chưa chặt chẽ trong đề xuất, đặt hàng, nhân rộng kết quả nghiên cứu. Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý trong lĩnh vực KH&CN của tỉnh mỏng, đặc biệt là cán bộ làm công tác quản lý khoa học ở cấp huyện chủ yếu là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi nên công tác quản lý KH&CN gặp nhiều khó khăn. Cơ chế thống nhất điều phối các nguồn kinh phí có tính chất KH&CN nhằm tập trung nguồn lực thực hiện nghiên cứu - ứng dụng và hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu gặp khó khăn. Nguồn lực đầu tư kinh phí của nhà nước còn hạn chế; chưa được bố trí kinh phí để nhân rộng kết quả nghiên cứu KH&CN

- Nguyên nhân khách quan: Đa số doanh nghiệp ở Nghệ An chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ nên tiềm lực để đầu tư cho hoạt động KH&CN còn thấp. Quy hoạch khu công nghệ cao của Chính phủ có thay đổi, chuyển từ tập trung sang lồng ghép trong các khu công nghiệp hiện có của tỉnh. Quy mô sản xuất trong nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ; trình độ sản xuất của người dân còn hạn chế... Tỉnh Nghệ An là tỉnh có nền kinh tế chưa phát triển cao nên việc thu hút nguồn nhân lực có chất lượng còn gặp nhiều khó khăn.

6. Một số bài học kinh nghiệm

- Cấp ủy chính quyền, các ban, sở, ngành thường xuyên bám sát chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bám sát thực tiễn địa phương để xây dựng và triển khai hoạt động KH&CN. Thường xuyên làm tốt công tác truyền thông KH&CN đến mọi tầng lớp nhân dân, nhất là doanh nghiệp và người sản xuất.

- Đầu tư có trọng điểm trọng tâm, theo chuỗi giá trị để tạo ra sản phẩm hàng hóa, tránh đầu tư nửa vời. Chuyển dần sang hướng hỗ trợ sau đầu tư, nghiên cứu ứng dụng cho doanh nghiệp để huy động nguồn lực xã hội.

- Lấy doanh nghiệp và người dân làm chủ thể sản xuất để kết nối các nhà khoa học, nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp và người dân. Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước để huy động nguồn lực xã hội. Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

II- MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Dự báo thời gian tới

Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có sự thay đổi nhanh chóng và diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế chủ

đạo. Toàn cầu hóa, hội nhập và xu thế dịch chuyển các chuỗi sản xuất toàn cầu và dịch chuyển các dòng đầu tư quốc tế, sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội, xu thế đô thị hóa và phát triển đô thị thông minh ngày càng gia tăng. Biến đổi khí hậu cũng đang ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn, tác động đến hàng loạt vấn đề về môi trường cũng như xã hội trên toàn thế giới.

Đối với tỉnh Nghệ An, với mục tiêu là phát triển nhanh và bền vững, phấn đấu đến năm 2025 Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước. Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị xác định mục tiêu Nghệ An là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về KH&CN. Với định hướng đó, xác định phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược, động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 18/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 19 nhiệm kỳ 2020 - 2025, xác định nhiệm vụ: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu. Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

- Xác định việc nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và đổi mới sáng tạo là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp. Xây dựng tỉnh Nghệ An thành trung tâm KH&CN khu vực Bắc Trung Bộ, trọng tâm là ứng dụng, chuyển giao các thành tựu KH&CN. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khu vực Bắc Trung Bộ. Tái cơ cấu hệ thống tổ chức KH&CN phù hợp với chiến lược phát triển KH&CN quốc gia và các lĩnh vực KH&CN trọng điểm của tỉnh.

- Tăng cường nguồn lực cho KH&CN và đổi mới sáng tạo cả về tài chính cũng như con người. Phát huy nguồn lực con người và văn hóa xứ Nghệ, kết nối để tranh thủ nguồn lực con người xứ Nghệ ở tại chỗ cũng như ở mọi miền đất nước và trên thế giới. Thu hút đầu tư, xã hội hóa đầu tư cho KH&CN. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN. Đổi mới quản lý nhà nước về KH&CN đáp ứng bối cảnh mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo. Quan tâm đến bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài. Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Nâng cao năng suất dựa trên nền tảng của KH&CN và đổi mới sáng tạo. Đổi mới công tác truyền thông KH&CN theo hướng truyền thông số, truyền thông đa phương tiện, đa nền tảng, xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa trên các lĩnh vực.

- Thành lập và vận hành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nghệ An quy mô khu vực Bắc Trung Bộ. Phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An, phát triển kinh tế vùng dựa trên tài nguyên rừng: Lâm nghiệp, kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng, dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển rừng cùng với thị trường tín chỉ cacbon; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp vùng Bắc Trung Bộ; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến; phát triển các loại hình du lịch sinh thái, mạo hiểm, cộng đồng.

- Hình thành các sản phẩm chủ lực có lợi thế so sánh, đặc sản. Phát huy lợi thế, khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng, cảnh quan thiên nhiên và giá trị thương hiệu của Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An. Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị các sản phẩm gắn với doanh nghiệp. Bảo tồn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc. Chuyển những giá trị của tài nguyên du lịch thành niềm tự hào, là tài sản cho các hoạt động phát triển của cộng đồng. Phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch văn hóa gắn với du lịch cộng đồng mang đậm bản sắc dân tộc. Đưa vào hoạt động Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ tại tỉnh Nghệ An. Hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Nghĩa Đàn, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào vùng miền Tây.

- Củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN đáp ứng bối cảnh mới. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, chú trọng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh. Hình thành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả tổ chức KH&CN cung cấp dịch vụ công thiết yếu về thông tin và thống kê KH&CN, khoa học xã hội và

nhân văn, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Cùng cố, đầu tư phát triển tổ chức KH&CN của tỉnh nghiên cứu kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh.

- Hợp tác, liên kết về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Tích cực giao lưu, trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm và thu hút nguồn lực quốc tế về KH&CN. Ưu tiên hợp tác quốc tế các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, chế biến sâu nông lâm thủy sản, công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường. *TH*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (b/c),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (b/c),
- Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Sở, ban, ngành, MTTQ, các tổ chức CT - XH cấp tỉnh,
- Huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Chánh, Phó Chánh VPTU (TH),
- Phòng Tổng hợp VPTU (Ý Lan),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. *TH*

20

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Hoàng Nghĩa Hiếu

PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN TỈNH ỦY, HĐND TỈNH, UBND TỈNH

TT	Ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu văn bản
I	Văn bản Tỉnh ủy	
1	Kế hoạch số 179-KH/TU, ngày 14/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Về việc kiểm tra, rà soát đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU
2	Kế hoạch số 39-KH/TU, ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 06-KH/TU
3	Kế hoạch số 44-KH/TU, ngày 23/12/2016 thực hiện Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
4	Thông báo số 475-TB/TU, ngày 26/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Về kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU
5	Kế hoạch số 231-KH/TU, ngày 21/3/2024 Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Về tổng kết Nghị quyết số 06-NQ/TU
II	Văn bản Hội đồng nhân dân tỉnh	
1	Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND, ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Về quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh Nghệ An
2	Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND, ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Về quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025
3	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND, ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An
4	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND, ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Về quy định về mức chi ngân sách nhà nước cho một số hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An
III	Văn bản Ủy ban nhân dân tỉnh	
1	Quyết định số 1267/QĐ-UBND, ngày 29/03/2017 của UBND tỉnh	Về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU

TT	Ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu văn bản
2	Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND, ngày 04/01/2016 của UBND tỉnh	Về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ
3	Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND, ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh	Về việc ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An
4	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND, ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh	Về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An
5	Quyết định số 1408/QĐ-UBND, ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh	Về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 - 2020, tính đến 2030
6	Quyết định số 2580/QĐ-UBND, ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh	Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ
7	Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND, ngày 11/06/2016 của UBND tỉnh	Về việc phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Nghệ An
8	Quyết định số 1267/QĐ-UBND, ngày 29/03/2017 của UBND tỉnh	Về ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU
9	Quyết định số 320/QĐ-UBND, ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh	Về phê duyệt chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017 - 2020
10	Quyết định số 2171/QĐ-UBND, ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh	Về việc ban hành kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020
11	Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND, ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh	Về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Vinh” cho sản phẩm cam quýt của tỉnh Nghệ An
12	Quyết định số 5821/QĐ-UBND, ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh	Về ban hành kế hoạch phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020
13	Quyết định số 1944/QĐ-UBND, ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh	Về việc phê duyệt bổ sung danh mục nguồn gen vào danh mục của đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh, từ năm 2014 đến năm 2020
14	Quyết định số 3445/QĐ-UBND, ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh	Về việc phê duyệt đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021 - 2025
15	Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND, ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh	Về quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh Nghệ An

TT	Ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu văn bản
16	Quyết định số 1660/QĐ-UBND, ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh	Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ một số đơn vị y tế trên địa bàn thành phố Vinh phát triển kỹ thuật cao để thành phố Vinh trở thành Trung tâm y tế khu vực Bắc Trung Bộ giai đoạn 2021 - 2025
17	Kế hoạch số 363/KH-UBND, ngày 01/07/2021 của UBND tỉnh	Về kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
18	Kế hoạch số 683/KH-UBND, ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh	Về kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030
19	Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND, ngày 5/1/2022 của UBND tỉnh	Về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN
20	Quyết định số 209/QĐ-UBND, ngày 21/01/2022	Về phê duyệt Đề án nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển nhanh và bền vững ở Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030
21	Quyết định số 1551/QĐ-UBND, ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh	Về ban hành kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Nghệ An đến năm 2030
22	Kế hoạch số 599/KH-UBND, ngày 29/08/2022 của UBND tỉnh	Về thực hiện Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
23	Quyết định 4078a/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh	Về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 (cho các đơn vị thuộc Sở KH&CN)

PHỤ LỤC 2: BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2017-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Chi sự nghiệp KH&CN	Chi đầu tư KH&CN	Tổng chi cho KH&CN	Tổng chi ngân sách	Tỷ lệ % chi KH&CN/tổng chi NS
	1	2	3 = 1+2	4	5=3/4*100
2016	38.591	21.000	59.591	14.457.467	0,41
2017	41.436	18.800	60.236	18.016.258	0,33
2018	45.031	18.322	63.353	19.207.738	0,33
2019	47.203	12.000	59.203	19.869.533	0,30
2020	52.309	23.899	76.208	22.181.156	0,34
2021	48.993	0	48.993	22.181.156	0,22
2022	49.750	15.000	64.750	26.769.507	0,24
2023	49.833	9.300	59.133	27.735.755	0,21
Tổng cộng	373.146	118.321	491.467	170.418.570	0,30

PHỤ LỤC 3: CHỈ SỐ ĐÓNG GÓP CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BẰNG CHỈ SỐ TFP CỦA NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

Năm	Tốc độ tăng %	Điểm %	Tỷ trọng đóng góp (%)
2017	-2,3	-2,3	-29,17
2018	9,24	9,24	105,88
2019	-0,45	-0,45	-6,55
2020	-0,9	-0,9	-20,2
2021	7,2	6,85	117,46
2022	5,74	5,58	65,38
2017 - 2022	3,01	3,01	42,1

PHỤ LỤC 4: SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG CÓ TÁC ĐỘNG KH&CN

Tổng hợp sản phẩm theo lĩnh vực tác động

Loại sản phẩm	Tổng số sản phẩm	Sản phẩm có tác động				Sản phẩm không tác động
		Tổng số sản phẩm tác động	Từ nguồn KHCN	Từ nguồn khác	Cả nguồn KHCN và nguồn vụ khác	
Sản phẩm chế biến	84	37	30	5	2	47
Sản phẩm cây trồng, vật nuôi	75	44	28	7	9	31
Tổng	159	81	58	12	11	78

Kết quả tác động các sản phẩm

Loại sản phẩm	Sở hữu trí tuệ	Loại hình tác động			Kết quả tác động		
		Các tiến bộ KHCN	Cả sở hữu trí tuệ và tiến bộ KHCN	Đã được cấp văn bằng bảo hộ hoặc đang chờ cấp	Đã tác động để có sản phẩm ra thị trường	Các sản phẩm (cần tác động tiếp)	
Sản phẩm chế biến	21	10	6	27	27	10	
Sản phẩm cây trồng, vật nuôi	10	24	10	20	20	24	
Tổng	31	34	16	47	47	34	

PHỤ LỤC 5: TỔNG SỐ CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BẢO HỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2017 - 2023

Năm	Sáng chế	GPHI	Kiểu dáng	Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý	Tổng
2017	0	1	5	86	92
2018	0	2	1	96	99
2019	3	2	8	168	181
2020	0	0	10	178	188
2021	1	3	19	197	220
2022	1	3	5	200	209
2023	2	12	11	213	238
Lũy kế đến 2023	12	28	87	1.806	1.933

PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KH&CN CẤP QUỐC GIA CÓ KINH PHÍ TW HỖ TRỢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đề tài, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Trong đó		Đối ứng
				NSSNKH hỗ trợ Trung ương	Địa phương	
1	Dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ một số loại cam theo mô hình liên kết giá trị tại tỉnh Nghệ An	2016 - 2019	5.000	2.500	-	2.500
2	Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chuỗi giá trị sản xuất lúa Japonika J02 trên địa bàn các huyện miền tây Nghệ An	2016 - 2019	7.000	3.360	-	3.640
3	Dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị cho cây lạc tại tỉnh Nghệ An	2017 - 2020	9.000	3.890	-	5.110
5	Dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất cá rô phi lai xa dòng Israel quy mô hàng hóa tại Nghệ An	2018 - 2020	3.200	800	800	1.600
6	Dự án ứng dụng khoa học và kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất bưởi đỏ Hòa Bình tại Nghệ An	2018 - 2020	6.000	1.270	1.270	3.460
7	Dự án ứng dụng KH&CN xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất rau hữu cơ tại Nghệ An	2018 - 2020	7.000	1.500	1.500	4.000
8	Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chuỗi liên kết giá trị sản xuất chè xanh tại tỉnh Nghệ An	2018 - 2022	8.000	3.390	-	4.610
9	Ứng dụng công nghệ biofloc xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ quy mô công nghiệp tại tỉnh Nghệ An	2018 - 2020	5.000	2.140	-	2.860
10	Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất và sử dụng chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất phục vụ sản xuất lạc theo hướng bền vững ở tỉnh Nghệ An	2019 - 2022	6.000	1.500	1.500	3.000

TT	Tên đề tài, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Trong đó		Đối ứng
				NSSNKH hỗ trợ	Địa phương	
			Trung ương			
11	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất gạch xi măng cốt liệu từ các nguyên liệu sản có khác ở Nghệ An	2019 - 2022	10.000	4.700	-	5.300
12	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bông tại Nghệ An	2019 - 2022	9.000	4.210	-	4.790
13	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất sâm cau, tam thất và Yacon theo hướng GACP - WHO tại tỉnh Nghệ An	2020 - 2024	7.000	3.650	-	3.350
14	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết phát triển sản xuất cây bơ (Persea americana Miller) tại tỉnh Nghệ An	2021-2025	6.100	3.040	-	3.060
15	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất, lắp đặt hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt tại các vùng nông thôn, miền núi tỉnh Nghệ An	2022-2025	11.000	4.180	-	6.820
16	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống và nuôi thương phẩm dê lai hướng thịt trên địa bàn tỉnh Nghệ An	2022-2025	8.000	3.730	-	4.270
	Tổng cộng		107.300	43.860	5.070	58.370

PHỤ LỤC 7: DOANH NGHIỆP ĐẠT GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA 2016 - 2023

TT	Năm	Số DN tham gia	Đơn vị tham gia	Hình thức khen thưởng
1	2016	02	Công ty CP Sữa TH	Giải vàng
			Công ty CP lương thực VTNN Nghệ An	Giải bạc
2	2017	03	Công ty CP lương thực VTNN Nghệ An	Giải vàng
			Công ty CP thủy sản Vạn phần Diên Châu	Giải bạc
			Công ty CP xây lắp gạch ngói Hưng Nguyên	Giải bạc
3	2018	03	Công ty CP xây lắp gạch ngói Hưng Nguyên	Giải bạc
			Công ty CP CONHEOVANG FEED-UK	Giải bạc
			Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Giải bạc
4	2019	03	Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Giải vàng
			Công ty CP thủy sản Vạn phần Diên Châu	Giải bạc
			Công ty CP CONHEOVANG FEED-UK	Giải bạc
5	2020	01	Công ty CP thực phẩm Sữa TH	Giải vàng
6	2022	01	Công ty CP Hoa Sơn	Giải vàng
Tổng cộng: 13 doanh nghiệp được trao giải chất lượng quốc gia				

PHỤ LỤC 8: CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ TỪ NĂM 2017 - 2023

TT	Tên dự án
I	Năm 2017
1	Dự án khu công viên điện năng lượng mặt trời SUNPOWER
2	Dự án trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng, kho xưởng ứng dụng KHCN tại xã Hưng Hoà, thành phố Vinh
3	Dự án khu công nghệ cao, khu công viên thể dục thể thao kiểu mẫu tại xã Hưng Hoà, thành phố Vinh
4	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất bao bì quốc tế ECO
5	Dự án nhà máy xi măng Hoàng Mai 2.1
6	Dự án công nghệ xử lý rác WTE
7	Dự án khu xử lý môi trường vùng phụ cận tỉnh Nghệ An
II	Năm 2018
1	Dự án nhà máy gạch không nung và trạm trộn bê tông thương phẩm chất lượng cao tại xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu
2	Dự án khu nhà vườn sinh thái kết hợp nông nghiệp công nghệ cao sông Lam
3	Dự án nhà máy xử lý rác thải Nam Đàn
4	Dự án nhà máy xử lý rác thải T - Tech Nam Đàn
5	Dự án nhà máy xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp
6	Dự án xây dựng công trình hệ thống cấp nước sạch vùng Nam Quỳnh Lưu - Bắc Diễn Châu
7	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn T-Tech Quỳnh Lưu
8	Dự án nhà máy nước Hòa Sơn
9	Nhà máy gạch không nung và trạm bê tông thương phẩm chất lượng cao
10	Dự án xưởng sản xuất than sinh học từ phế thải nông, lâm nghiệp theo công nghệ khí hóa và khai thác năng lượng thừa
11	Dự án khu liên hợp nông nghiệp sạch công nghệ cao
12	Dự án xưởng sản xuất, chế biến than củi hoạt tính
13	Dự án trung tâm thương mại dịch vụ nông nghiệp sạch công nghệ cao
14	Dự án công viên nghĩa trang Phúc An Viên và đài hóa thân hoàn vũ
15	Dự án VINHTEX tại KCN VSIP Nghệ An
16	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến bột đá trắng CaCO ₃ tại Nghệ An
17	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch nung từ nguyên liệu đất đồi núi bằng công nghệ lò quay di động
18	Nhà máy Em-tech Vinh
19	Công nghệ nhà máy xử lý, tái chế chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại công suất xử lý 200 tấn rác/ngày

TT	Tên dự án
20	Dự án nhà đồ xe ô tô tự động thông minh
21	Dự án cải tiến và đổi mới công nghệ hệ thống dây chuyền ván ghép thanh nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm
22	Phương án và công nghệ khai thác
III	Năm 2019
1	Dự án xây dựng nhà máy chiết xuất dược liệu trên địa bàn huyện Quỳnh Châu
2	Dự án nhà máy ngói Tuynel công nghệ cao
3	Dự án nhà máy ngói tráng men công nghệ cao
4	Dự án nhà máy sản xuất đồ uống đóng lon từ củ sắn dây
4	Dự án nhà máy sản xuất hạt nhựa xã Hưng Đông
6	Dự án nhà máy GMP Dược - Mỹ phẩm - Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thiên nhiên công nghệ cao TMD
7	Dự án tổ hợp sản xuất, kinh doanh bột sắn dây, tinh bột nghệ và các sản phẩm từ quả hồng Nam Anh huyện Nam Đàn
8	Cho ý kiến điều chỉnh GCNĐKĐT Dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn tại xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn
9	Dự án nhà máy sản xuất và tái chế chế biến giấy Trà Lân (trên cơ sở Dự án nhà máy chế biến bột giấy Tân Hồng)
10	Dự án nhà xưởng chế biến thép thời từ nguyên liệu sắt, thép phế thải
11	Dự án công viên nghĩa trang đài hóa thân hoàn vũ An Bình
12	Dự án nhà máy bột canxi cacbonat nặng
13	Dự án nhà máy cơ khí 559
14	Dự án nhà máy chế tạo và dịch vụ sửa chữa cơ khí Vượng Lộc
15	Dự án “Luxshare - ICT (Nghệ An)”
16	Dự án nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu
17	Dự án nhà máy sản xuất gạch không nung
18	Dự án nhà máy sản xuất kính cường lực
19	Dự án nhà máy sản xuất đồ mỹ nghệ công nghiệp
20	Dự án xi măng Hoàng Mai 2
21	Dự án nhà máy sản xuất bao bì quốc tế ECO
22	Dự án nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu tại khu C, KCN Nam Cẩm
23	Dự án nhà máy chế biến hải sản
24	Dự án nhà máy may An Nam Matsuoka
IV	Năm 2020
1	Dự án công viên vĩnh hằng Thanh Chương
2	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn và lỏng Tân Kỳ

TT	Tên dự án
3	Dự án mở rộng nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ và nhà máy sản xuất đá Marble nhân tạo
4	Dự án xưởng sản xuất chế biến lâm sản
5	Dự án xây dựng nhà máy chiết xuất dược liệu trên địa bàn huyện Quỳnh Châu
6	Dự án nhà máy ngói Tuynel công nghệ cao trong cụm công nghiệp Nghĩa Hoàn, huyện Tân Kỳ
7	Dự án đổi mới công nghệ, xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ Sông Lam cho trạm cấp nước Hưng Nguyễn
8	Dự án nhà máy sản xuất miến cao cấp
9	Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa thân thiện môi trường
10	Dự án nhà máy sản xuất, chế biến chè xanh viên chất lượng cao xuất khẩu
11	Dự án khu thương mại dịch vụ tổng hợp kết hợp sản xuất bao bì
12	Dự án bãi tập kết chế biến đá xây dựng Rú Dài
13	Dự án đầu tư nhà máy ngói tráng men công nghệ cao công suất 10 triệu viên/năm
14	Dự án xử lý rác thải
15	Dự án nhà xưởng sản xuất bao bì carton
16	Dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc
17	Dự án nhà máy xử lý chất thải Thái Hòa
18	Dự án trang trại nuôi lợn thương phẩm
19	Dự án nhà máy sản xuất và chế biến lâm sản tiêu thụ nội địa và xuất khẩu
20	Dự án của Công ty TNHH công nghệ Everwin Precision
21	Dự án của Công ty TNHH Merry & Luxshare (Việt Nam)
22	Dự án nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ sinh học
23	Dự án nhà máy sản xuất gang ty bảo hộ lao động và xây dựng nhà xưởng cho thuê của Công ty cổ phần STP Nghệ An
24	Dự án tổ hợp sản xuất sản phẩm cơ khí
25	Dự án khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng Rú Dài
26	Điều chỉnh Dự án khu du lịch sinh thái Nghi Yên - Nghi Lộc
27	Dự án nhà máy sản xuất gang tay bảo hộ lao động và xây dựng nhà xưởng cho thuê
28	Dự án nhà máy ván sợi MDF
29	Khu liên hợp sản xuất vật liệu xây dựng tại xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc
V	Năm 2021
1	Dự án nhà máy chế biến nguyên liệu Trung Đô, Tân Kỳ
2	Dự án nhà máy xử lý rác thải Nam Đàn
3	Dự án khu thể thao và giải trí tổng hợp Gia Mộc Phát

TT	Tên dự án
4	Dự án khu sản xuất phân lập giống tảo Spirulina và du lịch sinh thái
5	Dự án công viên nghĩa trang Phúc An Viên và đài hóa thân hoàn vũ
6	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn T-Tech Quỳnh Lưu
7	Dự án hệ thống cung cấp nước sạch vùng Bắc Diễn Châu
8	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất gạch không nung tại Lèn Kỳ, xã Đông Thành, huyện Yên Thành
9	Dự án đầu tư hệ thống máy quay phim, thiết bị điều khiển xử lý tín hiệu chuẩn 4K/UHD TV, hệ thống âm thanh ánh sáng chuyên nghiệp tại trường quay lớn
10	Dự án công viên vịnh hàng Thanh Chương
11	Công nghệ sản xuất và xử lý nước thải của dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
12	Dự án nhà máy sản xuất và chế biến bột đá siêu mịn tại KCN Nghĩa Đàn, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn
13	Dự án nhà máy sản xuất linh kiện, sản phẩm điện tử và phụ tùng ô tô (Ju Teng)
14	Dự án khu xử lý chất thải Nghi Hưng
15	Công nghệ hệ thống xử lý nước thải khu chế biến thủy sản tập trung huyện Quỳnh Lưu tại cảng Lạch Quên, huyện Quỳnh Lưu
16	Công nghệ xử lý nước thải thuộc Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại Trung tâm xạ trị và YHHN, Bệnh viện Ung bướu Nghệ An
17	Công nghệ xử lý nước thải của công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế Bệnh viện Đa khoa Yên Thành
18	Đề xuất bổ sung quy hoạch dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện Nhà máy xi măng Hoàng Mai
VI	Năm 2022
1	Dự án nông nghiệp công nghệ cao
2	Dự án cơ sở sản xuất ngói xi măng không nung Ngân Hà
3	Dự án nhà máy chế biến thực phẩm - đồ uống Bách Khoa
4	Dự án nhà máy chế biến Felspat
5	Dự án nhà máy sản xuất phụ gia nhựa và màng nhựa
6	Dự án trồng cây nông nghiệp công nghệ cao
7	Dự án tổ hợp nhà máy sản xuất kết cấu thép và dây cáp điện Việt Á
8	Dự án sản xuất gạch ngói Tuynel
9	Dự án nhà máy sản xuất bao bì Hoa Sen
10	Dự án nhà máy xốp Hưng Luạn
11	Dự án nhà máy sản xuất viên nén gỗ Hùng Trường Phát
12	Dự án nhà máy sản xuất viên nén gỗ Việt RGE
13	Dự án trạm trộn bê tông và bãi đúc cấu kiện bê tông

TT	Tên dự án
14	Dự án cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị, nâng công suất Nhà máy giấy Sông Lam tại xã Hưng Thành, huyện Hưng Nguyên
15	Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa thân thiện môi trường
16	Dự án nhà máy chế biến gỗ Fomex Nghệ An
17	Dự án nhà máy sản xuất gỗ ván ép
18	Dự án nhà máy chế biến lâm sản Hoàng Nguyên
19	Dự án cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị, nâng công suất Nhà máy giấy Sông Lam
20	Dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt
21	Dự án nhà máy xử lý rác thải Thanh Chương
22	Nhà máy sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ
23	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nghệ An
24	Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn Minh Lan
25	Dự án nhà máy sản xuất gia công giày dép xuất khẩu
26	Dự án nhà máy sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe động cơ khác Kyungshin Nghệ An
27	Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm tất chân
28	Dự án khai thác mỏ đất san lấp Lèn Dơi
29	Dự án nhà máy gạch không nung và sơ chế, bảo quản nông sản
30	Dự án Luxshare-ICT (Nghệ An) 2
31	Dự án sản xuất dụng cụ nấu ăn thép không rỉ
32	Hỗ trợ phân loại công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải
33	Công nghệ xử lý nước thải Dự án xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An
34	Đề xuất bổ sung Dự án hệ thống tận dụng nhiệt khí thải, công suất 8MV - Nhà máy xi măng Tân Thắng
VII	Năm 2023
1	Dự án Luxshare (Việt Nam) tại Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An
2	Dự án nhà máy gạch không nung Nghi Lâm tại CCN Đô Lăng, xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc
3	Dự án nhà máy gỗ TTD tại thôn Na Hàm, xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp
4	Dự án nhà máy sản xuất bột đá trắng Lam Hồng tại thôn Na Hàm, xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp
5	Dự án nhà máy xử lý chất thải huyện Diễn Châu tại xã Diễn Đoài, huyện Diễn Châu
6	Dự án mua sắm trang thiết bị, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phục vụ công tác trị liệu, cai nghiện ma túy cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn
7	Dự án nhà máy sản xuất than củi sạch và gỗ thanh ép xuất khẩu tại KCN Tri Lễ, xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn
8	Dự án trạm xử lý nước thải của Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp Nghệ An cơ sở 2

TT	Tên dự án
9	Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn Minh Lan tại xã Nghĩa An và xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn
10	Dự án Công ty TNHH Fu Wing Interconnect Technology (Nghệ An) tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An
11	Dự án hệ thống cung cấp nước sạch vùng Bắc Diễn Châu
12	Dự án đại hóa thân hoàn vũ Phúc An Viên tại xã Tân Long, huyện Tân Kỳ
13	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế, cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh
14	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế, cơ sở 2 Bệnh viện Phục hồi chức năng
15	Dự án đầu tư trang thiết bị cho 28 bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Nghệ An
16	Dự án đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nghệ An
17	Dự án nhà máy điện sinh khối Sông Lam vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An
18	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất chế biến bột giấy Tân Hồng tại xã Chi Khê, huyện Con Cuông
19	Dự án nhà máy dệt sợi Công ty cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan tại xã Châu Nhân, huyện Hưng Nguyên
20	Dự án nhà máy phụ gia Puzolan Nghệ Đàn tại xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn
21	Dự án nhà máy chế biến lâm sản Tương Dương tại xã Tam Thái, huyện Tương Dương
22	Dự án xưởng sản xuất bồn nhựa nguyên sinh tại cụm công nghiệp Lạc Sơn, huyện Đô Lương
23	Dự án đầu tư cơ sở mới Sunny Automotive Quang học Vina tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An
24	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thanh silic đơn tinh thể và đĩa bán dẫn tại KCN Hoàng Mai I, thị xã Hoàng Mai thuộc KKT Đông Nam Nghệ An
25	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thanh silic đơn tinh thể và đĩa bán dẫn tại KCN Hoàng Mai I, thị xã Hoàng Mai thuộc KKT Đông Nam Nghệ An
26	Dự án đầu tư khai thác và chế biến bột Puzolan cung cấp cho công trình thủy điện Bản Vẽ và các công trình thủy điện khác tại CCN Nghĩa Mỹ, thị xã Thái Hòa
27	Dự án đầu tư Công ty TNHH Công nghệ KERSEN (Việt Nam) tại KCN VSIP Nghệ An
28	Dự án Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An
29	Dự án Công ty TNHH công nghệ Everwin Precision (Nghệ An) tại Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An
30	Dự án quân thể sản xuất nông nghiệp - thảo dược công nghệ cao Bù Khạng tại xã Liên Hợp, huyện Quỳnh Hợp